

Anhien

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 145 /QB-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về
Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng
quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô
thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5755/TTr-SXD
ngày 26/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

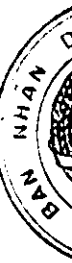
Điều 1. Duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới: Xác định theo Trích lục và Biên vẽ khu đất bản
đồ địa chính số 9949/2018, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh
Đồng Nai thực hiện và xác nhận ngày 10/10/2018, phạm vi giới hạn như sau:

- a) Phía Đông : Giáp ranh giới huyện Long Thành.
- b) Phía Tây : Giáp rạch Cầu Mít.
- c) Phía Nam : Giáp đường Hương Lộ 12 (Nguyễn Văn Ký).
- d) Phía Bắc : Giáp ranh giới xã Hiệp Phước

2. Quy mô lập quy hoạch:

- a) Quy mô diện tích : Khoảng 190.254,0 m².
- b) Quy mô dân số : Khoảng 4.000 người.
- c) Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.



3. Tính chất, mục tiêu:

a) Là dự án đầu tư xây dựng mới khu dân cư, gồm các công trình: Giáo dục; thương mại dịch vụ; nhà ở riêng lẻ, nhà ở xã hội; khu cây xanh,... với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, gắn kết với các khu vực lân cận.

b) Xác lập cơ sở cho Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định và là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất ở : 25,3 m²/người.
- Đất công cộng, dịch vụ đô thị : 2,9 m²/người.
- Đất cây xanh : 4,4 m²/người.

b) Mật độ xây dựng

Mật độ xây dựng toàn khu : ≤ 45%, trong đó:

- Nhà ở riêng lẻ : 60 – 80%.
- Nhà ở xã hội (chung cư) : ≤ 50%.
- Công trình giáo dục : ≤ 40%.
- Công trình thương mại dịch vụ : ≤ 50%.
- Khu cây xanh : ≤ 05%.

c) Tầng cao xây dựng

- Nhà ở riêng lẻ : 02 – 04 tầng.
- Nhà ở xã hội (chung cư) : 05 – 07 tầng.
- Công trình giáo dục : ≤ 02 tầng.
- Công trình thương mại dịch vụ : ≤ 05 tầng.
- Khu cây xanh : 01 tầng.

d) Chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp nước : 150 lít/người/ngày.
- Chỉ tiêu thoát nước : 80% nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện : 1.500 Kwh/người/năm.
- Chỉ tiêu rác thải : 1,0 – 1,2 kg/người/ngày.

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

a) Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	98.545,6	51,80
	- Nhà liên kế vườn	20.880,9	
	- Nhà liên kế phố	37.330,0	
	- Nhà biệt thự	20.090,2	
	- Nhà ở xã hội (chung cư)	20.244,5	

2	Đất công cộng, dịch vụ đô thị	11.243,9	5,91
	- Công trình giáo dục	7.148,6	
	- Công trình thương mại dịch vụ	4.095,3	
3	Đất cây xanh	18.351,8	9,64
	- Cây xanh công viên	16.997,4	
	- Cây xanh cách ly	1.354,4	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.136,7	0,60
5	Đất giao thông	60.976,0	32,05
Tổng cộng		190.254,0	100,0

b) Quy hoạch phân khu chức năng: Với diện tích khoảng 190.254,0 m² được phân thành các khu chức năng chính sau:

- Đất xây dựng nhà ở: Tổng diện tích khoảng 98.545,6 m² gồm 04 loại hình: Nhà liên kế vườn, nhà liên kế phố, nhà biệt thự, chung cư – nhà ở xã hội; trong đó:

+ Nhà liên kế vườn (ký hiệu LKV1 ÷ LKV6): Tổng diện tích 20.880,9 m² gồm 212 lô đất với mật độ xây dựng ≤ 80%, tầng cao xây dựng 02 – 04 tầng.

+ Nhà liên kế phố (ký hiệu LKP1 ÷ LKP13): Tổng diện tích 37.330,0 m² gồm 386 lô đất với mật độ xây dựng ≤ 80%, tầng cao xây dựng 02 – 04 tầng.

+ Nhà ở biệt thự (ký hiệu BT1 ÷ BT4): Tổng diện tích 20.090,2 m² gồm 71 lô đất với mật độ xây dựng 60 – 70%, tầng cao xây dựng 02 – 03 tầng.

+ Nhà ở xã hội (chung cư, ký hiệu XH1 ÷ XH2): Tổng diện tích 20.244,5 m², chiếm tỷ lệ 20,54% tổng diện tích đất ở; mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng 05 – 07 tầng.

- Đất công cộng, dịch vụ đô thị: Tổng diện tích khoảng 11.243,9 m² gồm:

+ Công trình giáo dục (ký hiệu GD): Diện tích 7.148,6 m² với mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng ≤ 02 tầng.

+ Công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu TMDV1 ÷ TMDV2): Tổng diện tích 4.095,3 m² với mật độ xây dựng ≤ 50%, tầng cao xây dựng ≤ 05 tầng.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích khoảng 18.351,8 m² gồm:

+ Cây xanh công viên (ký hiệu CX1 ÷ CX7): Tổng diện tích 16.997,4 m² với mật độ xây dựng ≤ 05%, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Cây xanh cách ly (ký hiệu CXCL): Diện tích 1.354,4 m²

- Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HT): Diện tích 1.136,7 m².

- Đất giao thông: Tổng diện tích 60.976,0 m².

c) Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

S tt	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)	Số lô (số/căn)
1	Đất ở		98.545,6			1.049
	Nhà ở liên kế vườn	LKV	20.881,0			212
	- Nhà liên kế vườn 1	LKV1	3.432,6	≤ 80	02 ÷ 04	36



	- Nhà liên kế vườn 2	LKV2	3.208,0	≤ 80	02 ÷ 04	32
	- Nhà liên kế vườn 3	LKV3	3.647,0	≤ 80	02 ÷ 04	38
	- Nhà liên kế vườn 4	LKV4	3.752,5	≤ 80	02 ÷ 04	38
	- Nhà liên kế vườn 5	LKV5	3.305,0	≤ 80	02 ÷ 04	32
	- Nhà liên kế vườn 6	LKV6	3.535,8	≤ 80	02 ÷ 04	36
	Nhà liên kế phố	LKP	37.330,0			386
	- Nhà liên kế phố 1	LKP1	2.853,5	≤ 80	02 ÷ 04	31
	- Nhà liên kế phố 2	LKP2	3.208,0	≤ 80	02 ÷ 04	32
	- Nhà liên kế phố 3	LKP3	3.899,0	≤ 80	02 ÷ 04	40
	- Nhà liên kế phố 4	LKP4	2.691,3	≤ 80	02 ÷ 04	28
	- Nhà liên kế phố 5	LKP5	2.682,0	≤ 80	02 ÷ 04	28
	- Nhà liên kế phố 6	LKP6	2.682,0	≤ 80	02 ÷ 04	28
	- Nhà liên kế phố 7	LKP7	3.899,0	≤ 80	02 ÷ 04	40
	- Nhà liên kế phố 8	LKP8	3.208,0	≤ 80	02 ÷ 04	32
	- Nhà liên kế phố 9	LKP9	2.496,0	≤ 80	02 ÷ 04	26
	- Nhà liên kế phố 10	LKP10	3.215,0	≤ 80	02 ÷ 04	33
	- Nhà liên kế phố 11	LKP11	3.902,5	≤ 80	02 ÷ 04	41
	- Nhà liên kế phố 12	LKP12	639,0	≤ 80	02 ÷ 04	6
	- Nhà liên kế phố 13	LKP13	1.954,6	≤ 80	02 ÷ 04	21
	Nhà biệt thự	BT	20.090,2			71
	- Nhà biệt thự 1	BT1	9.641,0	60 ÷ 70	02 ÷ 04	25
	- Nhà biệt thự 2	BT2	3.487,7	60 ÷ 70	02 ÷ 04	16
	- Nhà biệt thự 3	BT3	3.260,0	60 ÷ 70	02 ÷ 04	14
	- Nhà biệt thự 4	BT4	3.701,5	60 ÷ 70	02 ÷ 04	16
	Nhà ở xã hội (chung cư)	XH	20.244,5			
	- Nhà ở xã hội 1	XH1	16.044,6	≤ 40	5÷7	
	- Nhà ở xã hội 2	XH2	4.199,9	≤ 40	5÷7	
2	Đất công cộng, DV đô thị		11.243,9			
	Công trình giáo dục	GD	7.148,6	≤ 40	≤ 02	
	Công trình thương mại DV	TMDV	4.095,4			
	- Thương mại dịch vụ 1	TMDV1	1.862,0	≤ 50	3÷5	
	- Thương mại dịch vụ 2	TMDV2	2.233,4	≤ 50	3÷5	
3	Đất cây xanh	CX	18.351,8			
	Đất cây xanh công viên		16.997,4			
	- Cây xanh công viên 1	CX1	5.725,4	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 2	CX2	7.341,9	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 3	CX3	1.189,0	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 4	CX4	498,8	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 5	CX5	230,1	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 6	CX6	1.572,5	≤ 05	01	
	- Cây xanh công viên 7	CX7	439,8	≤ 05	01	
	Đất cây xanh cách ly	CXCL	1.354,4			
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1.136,7			
5	Đất giao thông		60.976,0			

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian hình thành một khu ở hoàn chỉnh, phù hợp với hiện trạng dân cư tại khu vực, đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật với các dự án lân cận.

- Hệ thống giao thông được tổ chức dựa trên hiện trạng các tuyến đường tại khu vực, phù hợp theo quy hoạch; các trục giao thông được tổ chức theo 02 hướng chính: Hướng Bắc – Nam và Đông – Tây; phân chia dự án thành các khu vực chức năng khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân chia giai đoạn đầu tư.

- Tổ chức các khu công viên cây xanh tập trung tại trung tâm khu ở và xen kẽ giữa các khu nhà ở, hình thành hệ thống cây xanh liên hoàn, xuyên suốt dự án.

- Công trình thương mại dịch vụ được bố trí bám theo các trục đường chính, nâng cao hiệu quả đầu tư và đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân trong dự án.

b) Thiết kế đô thị:

- Các điểm nhấn, tuyến cảnh quan đô thị:

+ Điểm nhấn cấp 1: Tổ hợp công trình nhà ở xã hội dạng chung cư, trường mầm non tại trung tâm của khu ở.

+ Điểm nhấn cấp 2: Khu công viên tập trung của khu ở với các công trình kiến trúc nhỏ, sân bãi, các quảng trường nhỏ, các tuyến đi bộ sẽ là nơi giao tiếp, nghỉ ngơi, thư giãn của người dân trong khu dân cư.

- Trục cảnh quan chính:

+ Trục đường khu vực: Đường Nguyễn Văn Ký và đường B1 phía Tây dự án (dọc theo rạch Cầu Mít).

+ Trục đường chính khu ở: Đường B2 đi qua dự án theo hướng Bắc – Nam, lộ giới 20,0 m đóng vai trò là cảnh quan chính của khu ở.

- Quy định chiều cao xây dựng công trình:

+ Nhà ở riêng lẻ : ≤ 18 m.

+ Nhà ở xã hội (chung cư) : ≤ 30 m.

+ Công trình giáo dục : ≤ 15 m.

+ Công trình thương mại dịch vụ : ≤ 24 m.

+ Khu cây xanh : ≤ 07 m.

- Quy định khoảng lùi công trình:

+ Khoảng lùi đối với nhà liên kế vườn, nhà biệt thự

* So với chỉ giới đường đỏ các trục đường : $\geq 2,5$ m.

* So với ranh đất : $\geq 1,5$ m.

+ Khoảng lùi đối với nhà liên kế phố

* Trùng với chỉ giới đường đỏ các trục đường

* So với ranh đất : $\geq 2,0$ m.

+ Khoảng lùi đối với công trình: Giáo dục, thương mại dịch vụ, chung cư

* So với chỉ giới đường đỏ các trục đường : ≥ 06 m.

* So với ranh đất : ≥ 04 m.

- Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

+ Đường nét và hình khối kiến trúc công trình: Hiện đại, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. Các công trình phải tạo được không gian hài hòa trong cùng một dãy nhà (về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi từng dãy nhà).

+ Màu sắc công trình kiến trúc phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan tại khu vực; không sử dụng màu phản quang, màu sẫm và màu đậm.

+ Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại Quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Nguyễn Văn Ký, phía Nam dự án (mặt cắt 5-5), lộ giới 28,0 m: lòng đường 14,0m; vỉa hè hai bên 2 x 7,0 m.

+ Đường B1, phía Tây dự án – dọc theo rạch Cầu Mít (mặt cắt 2-2), lộ giới 16,5 m: lòng đường 8,0 m; vỉa hè một bên 3,5 m và một bên 5,0 m.

- Giao thông khu ở: gồm các tuyến đường nội bộ của dự án

+ Đường B2, gồm 02 đoạn:

* Đoạn lộ giới 20,0 m (mặt cắt 4-4): lòng đường 14,0m; vỉa hè hai bên 2 x 3,0 m.

* Đoạn lộ giới 11,5 m (mặt cắt 4A-4A): lòng đường 6,0m; vỉa hè một bên 2,5 m và một bên 3,0 m.

+ Đường B4 (mặt cắt 3-3), lộ giới 10,0m: lòng đường 6,0m; vỉa hè một bên 3,0 m và một bên 1,0 m.

+ Đường A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, B3, B5, B6, B7 (mặt cắt 1-1), lộ giới 12,0 m: lòng đường 6,0 m; vỉa hè hai bên 2 x 3,0 m.

b) Quy hoạch san nền - thoát nước mưa:

- Cao độ san nền thiết kế theo phương pháp đào đắp tới cote quy định theo quy hoạch chung tại khu vực; hướng dốc theo địa hình tự nhiên; đồng thời tạo độ dốc tự nhiên hướng về phía các trục đường giao thông để thuận lợi cho việc thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa được đầu tư hoàn chỉnh với chế độ tự chảy. Công thoát nước bố trí dưới vỉa hè, sử dụng cống BTCT có đường kính Ø600 ÷ Ø1500.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn cấp nước sẽ được lấy từ tuyến ống cấp nước HDPE D160 hiện hữu trên đường Hùng Vương (cách dự án khoảng 910 m) do Công ty Cổ phần

Cấp nước Nhơn Trạch quản lý.

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho dự án được thiết kế mạng lưới vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục. Sử dụng ống HDPE, được bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường.

- Trên các tuyến ống cấp nước, tại các ngã 3, ngã tư bố trí các họng lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ là $100 \div 150$ m/họng để thuận tiện cho việc chữa cháy.

- Tổng nhu cầu dùng nước là $1.438,0 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; sau đó được dẫn bằng hệ thống cống BTCT đường kính $\varnothing 300 - \varnothing 400$ dọc theo đường giao thông về Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất $1.210,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt và Quyết định số 135/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rác thải: Ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường đô thị thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch chung.

- **Nghĩa trang:** Sử dụng theo quy hoạch chung của huyện Nhơn Trạch.

đ) Quy hoạch hệ thống điện:

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến điện trung thế 22 KV từ Trạm biến áp 110/220 kV Tuy Hạ dẫn đến. Xây dựng mới: Đường dây trung thế, đường dây hạ thế, trạm biến áp để cấp điện cho toàn dự án.

- Các tuyến trung thế, hạ thế, lưới điện chiếu sáng được đầu tư đồng bộ dọc các tuyến đường, ngầm dưới vỉa hè.

- Tổng nhu cầu cấp điện cho dự án là 6.730 kVA.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin - liên lạc:

- Nguồn tín hiệu chính được ghép nối theo định hướng chung tại khu vực.

- Đầu tư hệ thống công bố ngầm, tủ cáp trong dự án đồng bộ cùng với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác; để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT, FPT, Viettel,...) triển khai lắp đặt tổng đài và mạng cáp viễn thông, đáp ứng nhu cầu người dân trong dự án.

- Tổng dung lượng là 1.500 thuê bao.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Tuân thủ theo thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

- Dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

8. Danh mục các công trình cần đầu tư xây dựng trong dự án:

a) Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực, giao thông khu ở kết nối với hệ thống giao thông đô thị.

b) Hoàn thiện từng bước hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các tuyến đường giao thông; đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước, cây xanh đường phố cho các tuyến đường theo quy hoạch trong phạm vi dự án.

c) Đầu tư xây dựng công trình giáo dục, thương mại dịch vụ, công viên cây xanh,... phục vụ nhu cầu của cư dân trong phạm vi dự án.

9. Quy định quản lý: Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch gồm: 4 chương và 21 điều.

10. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện:

a) Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc.

b) Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu.

Điều 2. Trên cơ sở điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch được duyệt, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc có trách nhiệm phối hợp cùng UBND huyện Nhơn Trạch, UBND xã Long Thọ thực hiện:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch, UBND xã Long Thọ tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch chi tiết được duyệt, chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

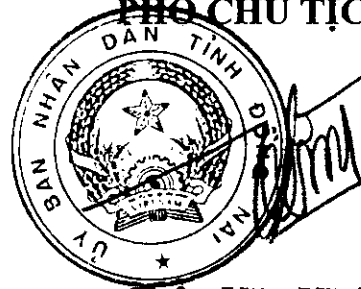
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho nội dung phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch tại Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch UBND xã Long Thọ, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, TTCB, CNN (Nhiên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh